TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03-5-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Bà Phạm Xuân Đào.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1996; địa chỉ: số B, tổ H, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày*, qua thời gian tự tìm hiểu, bà B và ông Lê Hữu T kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã A, huyện C, vào ngày 24/4/2017. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh hai con chung tên Lê Hữu Đ, sinh ngày 14/5/2018 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 31/12/2021. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc do ông T không đi làm kiếm thu nhập lo cho gia đình, bất đồng quan điểm sống, ông T nghe lời mẹ chồng, chị chồng gây áp trong cuộc sống chung của vợ chồng. Bà B và ông T không còn sống chung từ khoảng tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Hiện tại, hai con chung đang được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo đơn khởi kiện, bà B cho rằng, do tình cảm vợ chồng không còn nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông T; yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Hữu Đ và Lê Thị Ngọc N; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà B thay đổi yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Ngọc N; đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Đ; bà B, ông T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Trích lục kết hôn số 53/TLKH-BS ngày 24/4/2017 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Hữu T (bản sao); Giấy khai sinh số 21 ngày 10/01/2022 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C cấp đối với Lê Thị Ngọc N (bản sao); Trích lục khai sinh số 176/TLKS-BS ngày 15/6/2018 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C cấp đối với Lê Hữu Đ (bản sao).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hữu T trình bày, ông T có kết hôn với bà B và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, vào ngày 24/4/2017. Về mâu thuẫn dẫn đến ly hôn, bà B tự ý bỏ nhà đi qua đêm nhiều lần và không gần gủi vợ chồng. Từ ngày 13/11/2023 âm lịch đến ngày 21/11/2023 âm lịch, bà B đã tự ý kéo người xuống nhà của ông T dọn đồ đi nơi khác; chửi mắng khi đến thăm con chung; có lời lẽ đe dọa về tinh thần đối với ông T. Vì vậy, ông T đề nghị giải quyết yêu cầu ly hôn của bà B theo quy định pháp luật; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Bà yêu cầu ly hôn với ông T; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Về nuôi dưỡng con chung, bà B thay đổi yêu cầu, đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, bà B không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và bà B bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống dẫn đến vợ chồng không còn sống chung. Trong thời gian không sống chung, bà B và ông T không quan tâm lẫn nhau, không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà B yêu cầu ly hôn với ông T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống cho các con chung, đề nghị giao các con chung cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, do đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông T; ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Hữu Đ, Lê Thị Ngọc N; bà B không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hữu T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Hữu T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà B và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà B xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do ông T không đi làm kiếm thu nhập lo cho gia đình, bất đồng quan điểm sống, ông T nghe lời mẹ chồng, chị chồng gây áp trong cuộc sống chung của vợ chồng. Vợ chồng không còn sống chung từ khoảng tháng 01 năm 2024 cho đến nay.

Ông T cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bà B tự ý bỏ nhà đi qua đêm nhiều lần, không chịu gần gửi vợ chồng. Từ ngày 13/11/2023 âm lịch đến ngày 21/11/2023 âm lịch, bà B đã tự ý kéo người xuống nhà của ông T dọn đồ đi nơi khác; chửi mắng khi đến thăm con chung; có lời lẽ đe dọa về tinh thần đối với ông T. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của bà B theo quy định pháp luật.

Xét thấy, trong thời gian chung sống, bà B, ông T phát sinh nhiều mâu thuận và không còn sống chung từ khoảng tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà B, ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà B, ông T xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh hai con chung tên Lê Hữu Đ, sinh ngày 14/5/2018 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 31/12/2021. Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Tại phiên tòa, bà B đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, cháu N.

Theo biên bản xác minh ngày 14/3/2024 do cán bộ Tòa án lập, đại diện Ban ấp A, xã A, huyện C cho biết, ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Các con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Con chung đến tuổi đi học được tạo điều kiện học hành tốt. Ông T có đủ điều kiện để nuôi dạy các con chung phát triển tốt.

Xét thấy, các con chung đang được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, giúp các con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao các con chung cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà B, ông T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích .

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Lê Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53/TLKH-BS ngày 24/4/2017 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Hữu T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Lê Hữu T được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Lê Hữu Đ, sinh ngày 14/5/2018 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 31/12/2021. Bà Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Lê Hữu T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014872 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 02 tháng 01 năm 2024; bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Hữu T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Hữu T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã A, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình